

Số: **1143**/TTr - UBND

Thị xã Quảng Trị, ngày **10** tháng 9 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**V/v điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Quảng Trị

Thực hiện nội dung chương trình kỳ họp thứ 4 - HĐND thị xã khóa VII; Để đảm bảo triển khai các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch, UBND thị xã báo cáo và trình HĐND thị xã xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

**1. Nguồn vốn bố trí cơ bản năm 2021:** Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 với tổng kế hoạch vốn đầu tư là: 63.202 triệu đồng, trong đó:

- + Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 3.202 triệu đồng
- + Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất: 36.000 triệu đồng
- + Thanh lý tài sản: 24.000 triệu đồng

**2. Về số thu tiền sử dụng đất năm 2021**

Qua 2 lần tổ chức đấu giá, số thu từ đấu giá quyền sử dụng đất đạt **56.349** triệu đồng (số thu này chưa tính số thu từ khai thác quỹ đất lẻ phân cấp xã quản lý: 6.248 triệu đồng). Ngân sách thị xã được hưởng (90%): 50.714 triệu đồng, vượt thu: 14.714 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm. Bên cạnh đó, số thu từ giao quyền sử dụng đất bổ sung cho các hộ dân đến nay hơn 3.000 triệu đồng (tính đến ngày 30/6/2021).

Như vậy tổng số thu tiền sử dụng đất cao hơn kế hoạch đầu năm là: **17.714** triệu đồng.

**3. Về điều chỉnh tổng kế hoạch vốn năm 2021:**

Do nguồn thu từ đấu giá thanh lý tài sản chưa thực hiện được, nên UBND thị xã đề nghị sử dụng nguồn vượt thu số tiền sử dụng đất để bù đắp. Vì vậy, kế hoạch đầu tư năm 2021 sau khi được điều chỉnh như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 là: **56.916** triệu đồng (giảm 6.286 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm), trong đó:

- + Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 3.202 triệu đồng.
- + Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất: 53.714 triệu đồng (*vượt thu đấu giá quyền sử dụng đất quỹ đất: 17.714 triệu đồng*).

(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

#### **4. Điều chỉnh kế hoạch bố trí vốn cho các công trình:**

##### **4.1. Nguyên tắc điều chỉnh:**

- Điều chỉnh toàn bộ kế hoạch vốn của các công trình, hạng mục công trình bố trí từ nguồn đấu giá thanh lý tài sản sang nguồn khai thác quỹ đất với số tiền: **17.714** triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của một số công trình, nhóm công trình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn kế hoạch vốn đã được bố trí với số tiền: **402** triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt do chưa triển khai thực hiện trong năm 2021 với số tiền: **8.063** triệu đồng.

##### **4.2. Nội dung điều chỉnh:**

##### **4.2.1. Điều chỉnh tăng vốn một số công trình: 2.179 triệu đồng; cụ thể:**

- Bổ sung kế hoạch vốn 2 công trình đã hoàn thành quyết toán nhưng chưa có trong kế hoạch vốn bố trí đầu năm với số tiền: 344 triệu đồng, bao gồm:

+ Đường Nguyễn Bình Khiêm: 99 triệu đồng

+ Trường Mầm non Hoa Mai: 245 triệu đồng

- Bổ sung kinh phí GPMB thực hiện 2 công trình với: 835 triệu đồng, bao gồm:

+ GPMB cụm công nghiệp Hải Lệ (*giai đoạn 1*); Hạng mục: Di dời lãng mộ: 799,5 triệu đồng

+ Di dời nhà hàng Du thuyền để thi công xây dựng công trình: Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thạch Hãn đoạn qua xã Hải Lệ: 35,5 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ (*UBND thị xã sẽ trình HĐND thị xã phê duyệt chủ trương để triển khai trong năm 2021*): 1.000 triệu đồng

##### **4.2.2. Điều chỉnh giảm vốn một số công trình: 8.465 triệu đồng**

- Kế hoạch vốn của một số công trình, nhóm công trình do tổng mức đầu tư nhỏ hơn kế hoạch vốn đã được bố trí với số tiền: 402 triệu đồng, cụ thể:

+ Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Lý Thái Tổ: 105 triệu đồng

+ Hệ thống thoát nước khu dân cư Bàu Châu: 139 triệu đồng

+ Chống úng cục bộ kiệt 50 đường Lê Hồng Phong: 111 triệu đồng

+ Bê tông giao thông nội phường: 47 triệu đồng

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn do giảm nguồn : 8.063 triệu đồng. Cụ thể:

+ Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt:

8.063 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm)

**5. Đối với nguồn thu từ đấu giá thanh lý tài sản:** UBND thị xã tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan hoàn chỉnh hồ sơ để trình Sở Tài chính tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phê duyệt giá khởi điểm. Sẽ tổ chức triển khai đấu giá sau khi tỉnh phê duyệt và hoàn thành các thủ tục đảm bảo theo quy định.

UBND thị xã kính trình HĐND thị xã xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND thị xã
- CT, PCT UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- UV UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Mai Anh**

PHỤ LỤC 1:



**TỔNG HỢP DANH MỤC SAU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 08 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021 ngân sách thị xã			Kế hoạch vốn tăng (+) Giảm (-)				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					Ghi chú		
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		Vượt thu quỹ đất	
						XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tình hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản							Vượt thu quỹ đất
	<b>TỔNG CỘNG:</b>				63.202	3.202	36.000	24.000	(6.286)	-	-	(24.000)	17.714	56.916	3.202	36.000	-	17.714	
	<b>PHẦN I: ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN</b>				59.935	2.492	33.643	23.800	(6.286)	-	-	(23.800)	17.514	53.649	2.492	33.643	-	17.514	
<b>A</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>				23.316	820	12.296	10.200	344	-	1.044	(10.200)	9.500	23.660	820	13.340	-	9.500	
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD&amp;PTQD thị xã</b>			56.506	18.316	320	9.296	8.700	344	-	1.044	(8.700)	8.000	18.660	320	10.340	-	8.000	-
1	Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	2018-2020	1423/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	37.026	13.000	-	7.000	6.000	-	-	-	(6.000)	6.000	13.000	-	7.000	-	6.000	
2	Hệ thống đường giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	2019-2021	1161/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.876	4.000	-	2.000	2.000	-	-	-	(2.000)	2.000	4.000	-	2.000	-	2.000	
3	Kênh tiêu Như Lệ (GPMB)	2019-2020	1307/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	7.906	700	-	-	700	-	-	700	(700)	-	700	-	700	-	-	Đổi ứng NS Tỉnh phân GPMB
4	Hệ thống điện trang trí đường Lê Duẩn, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, Lý Thái Tổ.	2019-2020	930/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	3.698	338	-	220	118	-	-	-	-	338	220	118	-	-	-	
5	Trường Tiểu học và THCS Lý Tự Trọng; HM: Mở rộng nhà học; Nhà bán trú; Cải tạo nhà hiệu bộ; Cải tạo nhà học 6 phòng; Cải tạo nhà học 8 phòng;	2020	413/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	3.278	278	-	100	178	-	-	-	-	278	100	178	-	-	-	Đổi ứng nguồn vốn tài trợ của Tập đoàn Dầu Khí
6	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2017-2021	1286/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	2.829	-	-	-	-	99	-	-	-	99	99	-	99	-	-	Công trình Quyết toán hoàn thành năm 2021
7	Trường mầm non Hoa Mai, HM: Khu chức năng 2 tầng kết hợp sân chơi	2017-2021	1453/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.100	-	-	-	-	245	-	-	-	245	245	-	245	-	-	
<b>II</b>	<b>Trung tâm phát triển cụm CN&amp;KC</b>			13.605	5.000	500	3.000	1.500	-	-	-	(1.500)	1.500	5.000	500	3.000	-	1.500	
	Cụm Công nghiệp Hải Lệ; Hàng mục: Sân nền	2017-2020	1261/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 và 691 ngày 31/5/2018	13.605	5.000	500	3.000	1.500	-	-	-	(1.500)	1.500	5.000	500	3.000	-	1.500	



TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021 ngân sách thị xã			Kế hoạch vốn tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		Vượt thu quỹ đất
						XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Vượt thu quỹ đất						
B	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI				34.868	901	20.527	13.440	(7.465)	(47)	(1.874)	(13.440)	7.896	27.403	854	18.653	-	7.896	
B.I	LĨNH VỰC DÂN DỤNG			32.636	4.538	-	700	- 3.838	-	-	100	(3.838)	3.738	- 4.538	-	800	-	3.738	
I	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thị xã			31.068	3.300	-	300	3.000	-	-	100	(3.000)	2.900	3.300	-	400	-	2.900	
2	Trường THCS Thành Cổ (giai đoạn 1)	2021-2023	392/QĐ-UBND ngày	9.500	1.000		300	700	-			(700)	700	1.000	-	300	-	700	Đối ứng với NS tỉnh
3	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Hải Lệ, hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn, nhà bán trú cho điểm trường tiểu học thôn Tích Tường,	2021-2022	1331/QĐ-UBND 28/12/2020	1.153	100			100	-		100	(100)		100	-	100	-		
4	Trung tâm hành chính thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1); hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng.	2021-2023	110/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	20.415	2.200			2.200	-			(2.200)	2.200	2.200	-	-	-	2.200	
II	UBND Phường 2			1.150	820	-	400	420	-	-	-	(420)	420	820	-	400	-	420	
1	Nhà văn hóa Khu phố 1, phường 2	2021	210/QĐ-UBND ngày 5/2/2021	1.150	820		400	420	-			(420)	420	820	-	400	-	420	
VI	UBND Phường An Đôn			418	418	-	-	418	-	-	-	(418)	418	418	-	-	-	418	
1	Sân, tường rào phường An Đôn		134/QĐ-UBND	418	418			418	-			(418)	418	418	-	-	-	418	
B.II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			11.658	3.641	439	3.000	202	(47)	(47)	-	(202)	202	3.594	392	3.000	-	202	
I	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thị xã			10.399	3.900	-	3.000	-	-	-	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	
1	Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, Phường An Đôn		366/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	10.399	3.000		3.000	-					-	3.000	-	3.000	-	-	
II	UBND Phường 1			75	30	30	-	-	(13)	(13)	-	-	-	17	17	-	-	-	
1	Bê tông giao thông nội phường		436/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	75	30	30		-	(13)	(13)			-	17	17	-	-	-	
III	UBND phường 2			200	80	80	-	-	(16)	(16)	-	-	-	64	64	-	-	-	
1	Bê tông giao thông nội phường		729/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	200	80	80		-	(16)	(16)			-	64	64	-	-	-	
IV	UBND Phường 3			62	25	25	-	-	(4)	(4)	-	-	-	21	21	-	-	-	
1	Bê tông giao thông nội phường		301/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	62	25	25		-	(4)	(4)			-	21	21	-	-	-	
V	Phường An Đôn			235	94	94	-	-	(14)	(14)	-	-	-	80	80	-	-	-	
	Bê tông giao thông nội phường		258/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	235	94	94		-	(14)	(14)			-	80	80	-	-	-	
VI	Xã Hải Lệ			687	412	210	-	202	-	-	-	(202)	202	412	210	-	-	202	
	Đường giao thông Triệu Quý (Vườn Mít)		462/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	687	412	210		202	-	-	-	(202)	202	412	210	-	-	202	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021 ngân sách thị xã				Kế hoạch vốn tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					Ghi chú
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Vượt thu quỹ đất	
						XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Vượt thu quỹ đất						
<b>B.III</b>	<b>LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT, ĐIỆN CÔNG NGHIỆP</b>			132.773	24.781	462	16.197	8.122	(7.063)	-	(2.063)	(8.122)	3.122	17.718	462	14.134	-	3.122	
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD&amp;PTQĐ thị xã</b>			131.800	23.900	-	15.778	8.122	(7.063)	-	(2.063)	(8.122)	3.122	16.837	-	13.715	-	3.122	
1	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt ( giai đoạn 1)			118.000	20.000		15.000	5.000	(8.063)		(3.063)	(5.000)		11.937	-	11.937	-	-	
2	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ			3.000					1.000		1.000			1.000	-	1.000			
3	Vĩa hè đường Hai Ba Trưng đoạn qua trường THPT thị xã Quảng Trị, Phường 3, Trường PTDT Nội Trú, Di tích lịch sử Trường Bồ Đề		322/QĐ-UBND ngày 9/4/2021	800	700		200	500	-			(500)	500	700	-	200	-	500	Trường THPT Thị xã đối ứng 100tr
4	Nghĩa trang nhân dân thị xã; hạng mục: Khu cát táng di dời lăng mộ tại Khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	2021-2023	611/QĐ-UBND ngày 09/07/2021	5.000	3.000		578	2.422	-			(2.422)	2.422	3.000	-	578		2.422	
5	Hệ thống tiêu thoát nước khu phố 3 phường An Đôn		1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	200			200	-			(200)	200	200	-	-	-	200	
<b>II</b>	<b>Trung tâm phát triển cụm CN&amp;KC</b>			47	47	47	-	-	-	-	-	-	-	47	47	-	-	-	
1	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lê giai đoạn 2021-2025			47	47	47			-					47	47	-	-	-	
<b>III</b>	<b>UBND Phường 1</b>			146	102	50	52	-	-	-	-	-	-	102	50	52	-	-	
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt			146	102	50	52		-					102	50	52	-	-	
<b>IV</b>	<b>UBND Phường 2</b>			266	292	150	142	-	-	-	-	-	-	292	150	142	-	-	
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt		562/QĐ-UBND ngày 26/6/2021	266	292	150	142		-					292	150	142	-	-	
<b>V</b>	<b>UBND Phường 3</b>			154	132	65	67	-	-	-	-	-	-	132	65	67	-	-	
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt		257/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	154	132	65	67		-					132	65	67	-	-	
<b>VI</b>	<b>UBND Phường An Đôn</b>			360	308	150	158	-	-	-	-	-	-	308	150	158	-	-	
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt		380/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	360	308	150	158		-					308	150	158	-	-	
<b>B.IV</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>			1.553	1.908	-	630	1.278	(355)	-	89	(1.278)	834	1.553	-	719	-	834	
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD&amp;PTQĐ thị xã</b>			1.034	1.278	-	200	1.078	(244)	-	-	(1.078)	834	1.034	-	200	-	834	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực đường Lý Thái Tô -Lê Quý Đôn	2021-2022	333/QĐ-UBND	495	600		100	500	(105)			(500)	395	495	-	100	-	395	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021 ngân sách thị xã			Kế hoạch vốn tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		Vượt thu quỹ đất
						XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Vượt thu quỹ đất						
2	Hệ thống thoát nước khu dân cư dân cư Bầu Châu (Đường Phan Châu Trinh ra sông Thạch Hãn)	2021-2022	481/QĐ-UBND	539	678	100	578	(139)			(578)	439	539		100		439		
<b>II</b>	<b>UBND Phường 3</b>			<b>289</b>	<b>400</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>(111)</b>	-	<b>89</b>	<b>(200)</b>	-	<b>289</b>	-	<b>289</b>	-	-	-	
1	Chống úng cục bộ kiệt 50, Lê Hồng Phong		328/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	289	400	200	200	(111)		89	(200)		289	-	289	-	-	-	
<b>III</b>	<b>UBND Phường An Đôn</b>			<b>230</b>	<b>230</b>	-	<b>230</b>	-	-	-	-	-	<b>230</b>	-	<b>230</b>	-	-	-	
1	Chống úng cục bộ khu vực nhà thờ Công giáo		311/QĐ-UBND ngày 8/4/2021	230	230	230		-					230	-	230	-	-	-	
<b>B.VI</b>	<b>GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG</b>				<b>1.751</b>	<b>771</b>	<b>820</b>	<b>160</b>	<b>835</b>	<b>47</b>	<b>830</b>	<b>(160)</b>	<b>118</b>	<b>2.586</b>	<b>818</b>	<b>1.650</b>	-	<b>118</b>	GPMB các công trình phát sinh
<b>C</b>	<b>DỰ PHÒNG MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÁT SINH</b>				-														
	<b>PHẦN II: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC</b>				<b>3.267</b>	<b>710</b>	<b>2.357</b>	<b>200</b>	-	-	-	<b>(200)</b>	<b>200</b>	<b>3.267</b>	<b>710</b>	<b>2.357</b>	-	<b>200</b>	
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - CNTT</b>				<b>510</b>	<b>510</b>	-	-	-				<b>510</b>	<b>510</b>	-	-	-	-	
1	Thuê bao truyền hình trực tuyến (VP Thị ủy, VP UBND, UBND các phường, xã)				64	64							64	64	-	-	-	-	
2	Duy trì trang thông tin điện tử thị xã và các phường xã (Phòng VH TT, UBND 5 phường xã)				110	110							110	110	-	-	-	-	
3	Hỗ trợ các đề tài khoa học (Phòng Kinh tế)				50	50							50	50	-	-	-	-	
4	Các phần mềm dịch vụ công (Các trường học, đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc, UBND 5 phường xã)				246	246							246	246	-	-	-	-	
5	Tập huấn ứng dụng CNTT, chữ ký số (Phòng VH TT)				40	40							40	40	-	-	-	-	
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>				<b>2.757</b>	<b>200</b>	<b>2.357</b>	<b>200</b>	-	-	-	<b>(200)</b>	<b>200</b>	<b>2.757</b>	<b>200</b>	<b>2.357</b>	-	<b>200</b>	
<b>I</b>	<b>Phòng Tài Nguyên - Môi trường</b>			<b>2.072</b>	<b>1.085</b>	-	<b>1.085</b>	-	-				<b>1.085</b>	-	<b>1.085</b>	-	-	-	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất 2021 -2030		970/QĐ-UBND ngày 6/10/2020	1.697	660	660							660	-	660	-	-	-	
2	Kiểm kê đất đai (trả nợ)		3237/QĐ-UBND ngày 28/11/2019	375	225	225							225	-	225	-	-	-	QĐ của UBND tỉnh
3	Cắm mốc các tuyến các khu quy hoạch, phân lô.				200	200							200	-	200	-	-	-	
<b>II</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD&amp;PTQĐ</b>				-	<b>100</b>	-	<b>100</b>	-	-	-	-	<b>100</b>	-	<b>100</b>	-	-	-	
1	Lập cơ sở dữ liệu đất đai	2021-2022			100	100							100	-	100	-	-	-	



TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021 ngân sách thị xã			Kế hoạch vốn tăng (+) Giảm (-)					Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		Vượt thu quỹ đất
						XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản		XDCB Tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Tinh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thanh lý các tài sản	Vượt thu quỹ đất						
<b>II</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị</b>			3.539	872	-	872	-	-	-	-	-	872	-	872	-	-		
1	QH phân khu 1/500 bắc Nguyễn Trãi	2017-2020	1606/QĐ-UBND ngày 8/12/2017	872	20	-	20	-	-	-	-	-	20	-	20	-	-		
2	Quy hoạch phân khu phường 1	2020-2021	222/QĐ-UBND ngày 9/3/2020	836	350	-	350	-	-	-	-	-	350	-	350	-	-		
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Võ Thị Sáu ( giai đoạn 1)	2020	882/QĐ-UBND ngày 8/9/2020	79	25	-	25	-	-	-	-	-	25	-	25	-	-		
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Võ Thị Sáu ( giai đoạn 2)	2019-2020	178/QĐ-UBND ngày 20/2/2019	435	12	-	12	-	-	-	-	-	12	-	12	-	-		
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực vùng Hà, phường An Đôn	2019-2020	179/QĐ-UBND ngày 20/2/2019	317	100	-	100	-	-	-	-	-	100	-	100	-	-		
6	Lập thiết kế đô thị khu đô thị Bắc đường Nguyễn Trãi	2020-2021	913/QĐ-UBND ngày 14/9/2020	259	100	-	100	-	-	-	-	-	100	-	100	-	-		
7	QH chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Võ Thị Sáu (giai đoạn 3)	2020-2021	822/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	741	265	-	265	-	-	-	-	-	265	-	265	-	-		
<b>III</b>	<b>UBND Phường 2</b>				<b>100</b>	-	<b>100</b>	-	-	-	-	-	<b>100</b>	-	<b>100</b>	-	-		
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư khu phố 4, phường 2.	2020-2021	823/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	277	100	-	100	-	-	-	-	-	100	-	100	-	-		
<b>IV</b>	<b>Các cơ quan đơn vị</b>				<b>600</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	-	-	-	<b>(200)</b>	<b>200</b>	<b>600</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	-	<b>200</b>	
1	Kinh phí phục vụ đấu giá đất, tài sản				600	200	200	200	-	-	-	(200)	200	600	200	200	-	200	Trả nợ 2020: 177 triệu






**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021**

 (Kèm theo Báo cáo số **MUB/TK**-UBND ngày **10** tháng **09** năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2021	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>23.658</b>	<b>2.179</b>	<b>8.465</b>	<b>17.372</b>	
1	Đường Nguyễn Bình Khiêm		99		99	Công trình Quyết toán hoàn thành 2021
2	Trường mầm non Hoa Mai, HM: Khu chức năng 2 tầng kết hợp sân chơi		245		245	
3	Giải phóng mặt bằng	1.751	835		2.586	Bổ sung để GPMB các công trình.
4	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ		1.000		1.000	Tạo mặt bằng sạch để thực hiện các dự án quan trọng
5	Bê tông giao thông nội phường	229	-	47	182	
	<i>Phường 1</i>	<i>30</i>		<i>13</i>	<i>17</i>	Giảm do tổng mức đầu tư nhỏ hơn kế hoạch vốn bố trí
	<i>Phường 2</i>	<i>80</i>		<i>16</i>	<i>64</i>	
	<i>Phường 3</i>	<i>25</i>		<i>4</i>	<i>21</i>	
	<i>Phường An Đôn</i>	<i>94</i>		<i>14</i>	<i>80</i>	
6	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực đường Lý Thái Tổ -Lê Quý Đôn	600		105	495	Giảm do tổng mức đầu tư nhỏ hơn kế hoạch vốn bố trí
7	Hệ thống thoát nước khu dân cư dân cư Bàu Châu (Đường Phan Châu Trinh ra sông Thạch Hãn)	678		139	539	
8	Chống úng cục bộ kiệt 50, Lê Hồng Phong - Phường 3	400		111	289	
9	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	20.000		8.063	11.937	Giảm do chưa có khả năng thực hiện năm 2021